TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2018/**HNGĐ-ST
Ngày 28.9.2018
V/v*" Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Phạm Duy Tân**

2. **Bà Hà Thị Lệ Thi**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Thị Thúy Kiều**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:* Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1986.
Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang.
2. Bị đơn: **Ông Trần Văn X**, sinh năm 1981.
Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã C, huyện U, tỉnh Kiên Giang.
(bà Th có mặt tại phiên tòa;

ông X vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án ly hôn đề ngày 01 tháng 6 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn X tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào tháng 11 năm 2010 âm lịch, kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 23/02/2011. Bà Th và ông X chung sống được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, sau khi bà Th sinh con được hai tháng thì ông X bỏ mặc mẹ con bà Th, không quan tâm, chăm sóc. Năm 2012 bà Th ẵm con về nhà mẹ ruột tại ấp Đ, xã B sinh sống. Từ đó đến nay ông X không liên lạc, cũng không đến thăm bà Th và con. Bà Th và ông X sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông X.

Về con chung: Bà Th và ông X có 01 người con chung tên Trần Thị Kim Ng, sinh ngày 09/10/2011, giới tính nữ, bà Th đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Th yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà Th mở tiệm tạp hóa buôn bán tại Chợ Đ, thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th tự thỏa thuận với ông X, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn X vắng mặt tại phiên tòa, không có lời trình bày.

Tài liệu, chứng cứ bà Th cung cấp gồm có: Chứng minh nhân dân (bản phô tô); Sổ hộ khẩu (bản phô tô); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh (bản sao); Đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản gốc).

Tài tài liệu, chứng cứ do ông X cung cấp: Không có.

Tại phiên tòa: Bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông X; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; về tài sản chung và nợ chung, bà Th tự thỏa thuận với ông X, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn X được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông X.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Th yêu cầu được ly hôn với ông X và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, nên đây là quan hệ "*Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung"*.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông X tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào tháng 11 năm 2010 âm lịch, kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 23/02/2011. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông X là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn: Theo lời khai của bà Th, nguyên nhân dẫn đến mâu thuân thuẫn do ông X không quan tâm, chăm sóc cho bà Th khi bà Th sinh con được hai tháng. Vì vậy năm 2012 bà Th ẫm con về nhà mẹ ruột sinh sống, từ đó đến nay ông X không đến thăm bà Th và con.

Ông X nhiều lần được Tòa án triệu tập tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Th.

Căn cứ vào lời khai của bà Th, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà Th và ông X mâu thuẫn kéo dài từ năm 2012 đến nay, nhưng hai bên không có biện pháp để hàn gắn tình cảm. Từ năm 2012 vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa bà Th vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông X.

Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà Th và ông X đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho bà Th ly hôn với ông X.

[5] Về con chung: Khi ly hôn bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu Ng sống ổn định với bà Th từ năm 2012 đến nay, được chăm sóc và phát triển bình thường như những đứa trẻ cùng trang lứa. Hiện nay bà Th mở tiệm tạp hóa buôn bán, thu nhập ổn định (5.000.000 đồng/tháng) nên giao cháu Ng cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi cho cháu. Tại Bản tự khai cháu Ng cũng có nguyện vọng được sống với mẹ (bà Th). Căn cứ Điều

81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Thị Kim Ng cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Th không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông X có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của bà Th.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th tự thỏa thuận với ông X, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Trần Văn X.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Kim Ng, sinh ngày 09/10/2011, giới tính nữ cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Bà Th không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông X có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của bà Th.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm*:* Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, khấu trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị Th đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004211, ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Chánh và Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Chính

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*